

CÔNG TY CỔ PHẦN  
CÀ PHÊ EA PÓK  
---o0o---

Số: 03./TTr-HĐQT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc  
---o0o---

CưM'Gar, ngày 10 tháng 4 năm 2023

## TỜ TRÌNH

(V/v: Thông qua kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2023)

Kính trình: HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ CÔNG TY CỔ PHẦN CÀ PHÊ EA PÓK

### PHẦN 1

Kế hoạch doanh thu, lợi nhuận các ngành trong năm 2023

1. Kế hoạch hoạt động sản xuất kinh doanh cà phê bền vững theo tiêu chuẩn RA cho niên vụ cà phê 2023-2024:

- Diện tích giao khoán cây cà phê là: 191,72 ha.

- Phương thức giao khoán bao gồm 02 dạng là dạng khoán gọn và dạng khoán có đầu tư. Hình thức tổ chức ký hợp đồng giao khoán là ký theo nguyên tắc giao nộp sản phẩm theo hình thức thực thu, nộp hết sản phẩm về cho Công ty sau đó thực hiện ăn chia theo tỷ lệ của từng dạng khoán. (Khoán có đầu tư ăn chia theo tỷ lệ: Công ty 60%, người nhận khoán 40%; Khoán gọn ăn chia theo tỷ lệ: Công ty 30%, người nhận khoán 70%).

- Công ty đã ký hợp đồng dịch vụ tư vấn chăm sóc cà phê bền vững và theo tiêu chuẩn chứng nhận Rainforest Alliance (RA) với Công ty cổ phần 5CHO. Đối tác sẽ hỗ trợ các dịch vụ như: Xây dựng và áp dụng hệ thống tiêu chuẩn RA; thanh tra nội bộ, giám sát khắc phục, phòng ngừa và hoàn thành hồ sơ yêu cầu kiểm tra xác nhận; Tổ chức 22 lớp tập huấn TOT, TOF, FCV cho cán bộ và nông hộ.

- Quy trình chăm sóc theo phương pháp mới: **Thực hành canh tác tốt, canh tác thuận tự nhiên, theo các tiêu chuẩn bền vững (RA, cụm cảnh quan,...):**

+ **Sản xuất có trách nhiệm:** Đã khởi động chương trình sản xuất có trách nhiệm theo tiêu chuẩn RA và cụm cảnh quan bền vững.

+ **Duy trì thảm cỏ che phủ:** cải thiện độ phì đất, độ ẩm đất, bộ rễ và hiện trạng vườn cà phê. không làm sạch cỏ để tránh là suy thoái đất, mất độ ẩm và tổn thương rễ cà phê. khi thảm cỏ lên tầm 40 – 50 cm (trước khi hạt già) phát cỏ bằng máy chừa gốc cỏ cao 7 – 10 cm

+ **Tăng cường hữu cơ vi sinh:** Bón phân hữu cơ đã hoai bằng men vi sinh (mùa mưa tới bổ sung phun men vi sinh); bón phân hữu cơ vi sinh. Gom lá từ



bồn mùa khô, mùa mưa sẽ phun men vi sinh thúc đẩy hoai mục giúp cho đất tốt hơn.

+ **Bón phân NPK-TE cân đối hợp lý:** Mùa khô bón theo quy trình hiện thời. Đã lấy mẫu đất phân tích dinh dưỡng đất, thời gian đến sẽ bón phân NPK-TE theo kết quả phân tích độ phì đất, hiện trạng và năng suất vườn cà phê. Đã cập nhật kỹ thuật bón phân hợp lý hơn.

+ **Tạo hình hiệu quả:** Cải tiến kỹ thuật tạo hình, đang chuẩn bị áp dụng kỹ thuật tạo hình bàn tay với bưôu sinh cảnh để cải thiện năng suất và tăng hiệu quả canh tác.

+ **Bảo vệ thực vật:** Theo quy trình hiện hành; đã cập nhật kiến thức và tăng cường kỹ năng cho cán bộ đội và nông dân nông cốt thông qua lớp tập huấn ToT.

- Tổng chi phí đầu tư cho vườn cây cà phê chăm sóc bền vững theo tiêu chuẩn RA là trong năm 2023 (thu hoạch năm 2024) là 6.354 triệu đồng (chưa bao gồm chi phí khấu hao). Giá thành sản xuất trực tiếp 1 kg cà phê quả tươi bền vững theo tiêu chuẩn RA niên vụ 2023-2024 là: 7.395,92 đồng/kg.

## **2. Kế hoạch doanh thu, lợi nhuận đối với ngành cà phê đã thu hoạch trong năm 2022, tiêu thụ trong năm 2023:**

- Tổng lượng cà phê quả tươi đã thu hoạch niên vụ 2022-2023 nhập kho là:
- Tổng số lượng cà phê tiêu thụ là 220,7 tấn, trong đó:
  - + Cà phê sản xuất: 152 tấn.
  - + Cà phê thu mua: 68,7 tấn.
- Doanh thu ngành cà phê là 11.919 triệu đồng, trong đó:
  - + Cà phê sản xuất: 8.213 triệu đồng.
  - + Cà phê thu mua: 3.706 triệu đồng.
- Lợi nhuận ngành cà phê là (7.301,5) triệu đồng, trong đó:
  - + Cà phê sản xuất: (7.464,8) triệu đồng.
  - + Cà phê thu mua: 163,3 triệu đồng.

## **3. Kế hoạch hoạt động sản xuất kinh doanh ngành chăn nuôi:**

### **a) Chỉ tiêu toàn đàn:**

- Số bò bê thời điểm 31/12/2022 là: 367 con, trọng lượng 68.611kg. Thực hiện chỉ tiêu giảm đàn, chọn lọc và duy trì đàn với quy mô tầm 100 con vào cuối năm 2023.
- Tăng trọng kế hoạch 30.000 kg.

### **b) Kế hoạch trồng mới, chăm sóc và cải tạo thâm canh đồng cỏ:**

#### **b1) Trồng mới cỏ VA 06:**

- Vị trí trồng: Lô 3 + Lô 4 V36 đội 4.
- Tổng diện tích là: 1,95 ha.

- Tổng chi phí trồng mới là: 167 triệu đồng (bao gồm cả tiền công cắt cỏ và chi phí tưới). Bình quân chi phí là 85,7 triệu đồng/ha.
- Sản lượng dự kiến thu hoạch là: 195 tấn cỏ. Bình quân 50 tấn cỏ/ha/lúa
- Giá thành kế hoạch là: 286 đồng/kg cỏ.

(Kèm bảng kế hoạch chi tiết do phòng KHKT xây dựng)

**b2) Cải tạo, thâm canh cỏ VA06:**

- Vị trí đồng cỏ cần cải tạo, thâm canh: Lô 3 V36 đội 4 + các lô Xếp.
- Tổng diện tích là: 4,49 ha.
- Tổng chi phí cải tạo, thâm canh, thu hoạch cỏ là: 211,7 triệu đồng/ha. Chi phí trồng mới đang treo dở dang năm 2022 là 131,6 triệu. Bình quân 68,8 triệu đồng/ha.
- Sản lượng dự kiến thu hoạch là: 904,7 tấn cỏ. Bình quân 181,3 tấn/ha đối với cỏ VA.
- Giá thành kế hoạch là: 379,46 đồng/kg đối với VA

(Kèm bảng kế hoạch chi tiết do và phòng KHKT xây dựng)

**c) Kế hoạch trồng bắp sinh khối:**

- Vị trí trồng mới: Vùng 36 đội 4
- Diện tích trồng: Mùa khô từ tháng 01 đến tháng 04 trồng một vụ với diện tích 14,49ha. Mùa mưa trồng 2 vụ từ tháng 05 đến tháng 10 trồng 2 vụ với diện tích 8,49ha. Trồng gói đầu, tùy thuộc vào nhu cầu thực ăn xanh của đàn bò trong năm 2023.
- Chi phí đầu tư bình quân với mùa khô là: 38,1 triệu đồng/ha/vụ. Chi phí đầu tư bình quân với mùa mưa là: 34,5 triệu đồng/ha/vụ. Tổng chi phí trồng bắp sinh khối trong năm 2023 là: 845 triệu đồng.
- Sản lượng thu hoạch bình quân là 40 tấn/1ha/1 vụ đối với mùa khô và 50 tấn/ha/vụ đối với mùa mưa. Tổng sản lượng dự kiến khai thác bắp lấy cây trong năm 2023 là 1.004 tấn.
- Giá thành 1 kg bắp sinh khối là 841.96 đồng/kg.

(Kèm bảng kế hoạch chi tiết do Trại chăn nuôi và phòng KHKT xây dựng)

**d) Kế hoạch doanh thu, lợi nhuận ngành chăn nuôi:**

- Tổng lượng bò thịt xuất bán kế hoạch là: 63.147 kg, giá bán kế hoạch là 56.546 đ/kg, doanh thu kế hoạch là 3.571 triệu đồng.
- Phân chuồng tồn đầu kỳ và sản xuất ra trong kỳ là 825 tấn, chuyển sản xuất phân vi sinh và tiêu thu nội bộ thu về 1.437 triệu đồng, hạch toán thu giảm trực tiếp vào chi phí chăn nuôi năm 2023.
- Tổng chi phí đầu tư trực tiếp vào ngành chăn nuôi bò là 2.649 triệu ( Tổng chi phí là 4.086 triệu - doanh thu bán phân bò là 1.437 triệu đồng). Giá vốn xuất kho bình quân là 99.915,6 đồng/kg.

Chi phí lãi vay là 35.6 triệu, chi phí quản lý phân bổ là 214 triệu.

Lợi nhuận kế hoạch ngành chăn nuôi: (1.549) triệu đồng.

**4. Kế hoạch sản xuất phân vi sinh:**



Để phục vụ cho việc trồng mới 26,95ha cà phê tái canh và các loại cây trồng ngắn ngày khác. Công ty xây dựng kế hoạch sản xuất phân vi sinh như sau. Tổng số lượng sản xuất: 612 tấn, trong đó:

- Nguyên liệu là phân bò nguyên chất: 426 tấn.
- Trấu cà: 185 tấn
- Tổng chi phí phát sinh là 1.071 triệu đồng. Giá thành 1 kg phân vi sinh sản xuất là: 1.752 đồng/kg. Giá bán luân chuyển nội bộ bình quân là 2.218 đồng/kg.

#### **5. Kế hoạch nuôi giun quế năm 2023:**

Thực hiện dự án hợp tác kinh doanh điện năng lượng kết hợp chăn nuôi. Công ty sẽ sử dụng toàn bộ không gian dưới mái pin năng lượng để nuôi giun quế để có nguồn phân giun bón lại cho các loại cây ăn trái.

- Diện tích nuôi giun 968 m<sup>2</sup>.
- Tổng chi phí vận hành chăm sóc giun quế năm 2023 là 565 triệu đồng.
- Dự kiến thu hoạch được 160 tấn phân giun hàng năm và 44 tấn giun sinh khối.

#### **6. Kế hoạch trồng ớt Chỉ Thiên Chánh phong 04 (21,33ha):**

- Vị trí trồng: Lô 7- lô 10 Vùng A1 đội 4;
- Tổng chi phí theo dự toán là: 5.994 triệu đồng. Chi phí phân bổ (bán hàng, quản lý và lãi vay) là 917 triệu đồng.
- Tổng sản lượng dự kiến thu hoạch là: 408.960 kg ớt xô. Bình quân 19,2 tấn/ha.
- Giá thành kế hoạch là 13.375,6 đồng/kg.
- Giá bán kế hoạch là 20.000 đồng/kg. Tổng doanh thu dự kiến 8.179 triệu đồng.
- Lợi nhuận kế hoạch là 1.791,8 triệu đồng

#### **7. Ngành trồng khoai lang Nhật (84.96ha: đã trồng năm 2022 là 14,71ha, trồng mới năm 2023 là 70,25ha):**

- Vị trí trồng: Khu B đội 5; Vùng EaLup Đội 3; Vùng A1 đội 4
- Tổng chi phí theo dự toán là: 13.662 triệu đồng. Chi phí phân bổ (bán hàng, quản lý và lãi vay) là 1.679,6 triệu đồng.
- Tổng sản lượng dự kiến thu hoạch là: 1.732.920 kg. Bình quân 20,4 tấn/ha.
- Giá thành kế hoạch là 7.884 đồng/kg.
- Giá bán kế hoạch là 10.000 đồng/kg. Tổng doanh thu dự kiến 17.220 triệu đồng.
- Lợi nhuận kế hoạch là 1.878 triệu đồng

#### **8. Trồng rau vụ đông: trồng đông đặc 5,82ha và trồng xen trên đất trồng ớt là 21,33 ha.**

- Vị trí trồng: Vùng A1 đội 5.
- Tổng chi phí theo dự toán là: 882,3 triệu đồng. Chi phí phân bổ (bán hàng, quản lý và lãi vay) là 102,4 triệu đồng.

- Tổng sản lượng dự kiến thu hoạch là: 428,8 tấn. Bình quân 15,8 tấn/ha.
- Giá thành kế hoạch là 2.056,56 đồng/kg.
- Giá bán kế hoạch là 3.500 đồng/kg. Tổng doanh thu dự kiến 1.500 triệu đồng.
- Lợi nhuận kế hoạch là 515,3 triệu đồng

**9. Hợp tác kinh doanh điện năng lượng:**

- HĐQT đang đàm phán với đối tác để nâng mức lợi nhuận được chia hàng tháng từ 30.000.000 đồng/tháng/hệ lên 50.000.000 đồng/tháng/hệ. Tổng lợi nhuận được chia từ việc hợp tác là 1.636 triệu đồng
- Tổng chi phí lãi vay và khấu hao là: 1.016 triệu đồng.
- Lợi nhuận đạt 620 triệu đồng.

**• Các chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh toàn công ty:**

- Doanh thu từ bán hàng và cung cấp dịch vụ: 50.004 triệu đồng; thu nhập từ việc bán thanh lý cây cà phê là 736,27 triệu. Tổng doanh thu kế hoạch là 50.740,27 triệu đồng.

- Tổng chi phí kế hoạch là 56.696,37 triệu đồng, trong đó: chi phí giá vốn hàng bán là 45.242 triệu đồng, chi phí quản lý 4.675 triệu đồng, chi phí bán hàng là 16,7 triệu đồng, chi phí lãi vay 2.000 triệu đồng, chi phí khác thanh lý 74 ha cà phê già cỗi kém năng suất là 4.763 triệu đồng.

- Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh là: -1.929 triệu đồng. Lợi nhuận kế toán trước thuế là -5.954 triệu đồng.

- Nộp ngân sách: 379 triệu đồng (Trong đó: nộp thuế TNCN 60 triệu đồng, nộp tiền thuê đất phi nông nghiệp 314 triệu đồng, tiền thuế sử dụng đất phi NN là 5 triệu đồng).

**PHẦN 2**

**Kế hoạch thanh lý vườn cà phê già cỗi, kém năng suất;  
Chăm sóc và trồng mới các loại cây dài ngày năm 2023**

**1. Thanh lý diện tích 74,61ha cà phê già cỗi kinh doanh kém hiệu quả:**

- Vị trí thanh lý cụ thể như sau:

Số TT	Đơn vị	Năm trồng	Diện tích (Ha)	Ghi chú
A	Khoản có đầu tư		70,31	
I	Đội 2		0,76	
1	Vùng 21 ha	Năm 2007	0,76	Lô 8 vùng 21 ha, có 1 xuất khoán
II	Đội 3		17,06	
1	Vùng 21 Ha	Năm 1996	7,76	Lô 1-> 7 vùng 21 ha, có 10 xuất khoán
2	Vùng 51 Ha	Năm 2000	3,13	Lô 1, vùng 51 ha, có 5 xuất khoán
3	Vùng 21 Ha	Năm 2008	6,17	Lô 1-> 7 vùng 21 ha, có 9 xuất khoán

III	Đội 4		7,63	
1	Vùng 36	Năm 2011	1,41	Lô xép vùng 36 ha, có 2 xuất khoán
2	Vùng A3	Năm 1996	6,22	Lô 10 -> 12 vùng A3, có 9 xuất khoán
IV	Đội 5		44,86	
1	Khu B	Năm 1985	22,52	Lô 1 -> 5 khu B, có 25 xuất khoán
2	Khu A1	Năm 1977	21,33	Lô 7 -> 10 khu A1, có 24 xuất khoán
3	Khu A2	Năm 1977	1,01	Lô 7, khu A2, có 1 xuất khoán
B	Khoán gọn		4,30	
I	Đội 1		2,73	
1	Vùng 83	Năm 1983	2,73	Vùng 83, có 4 xuất khoán
II	Đội 5		1,57	
1	Khu B	Năm 1985	1,57	Lô 4 khu B, có 1 xuất khoán
	Cộng		74,61	

- Sau khi trực nhổ cây cà phê Công ty thực hiện việc cải tạo đất để thay đổi ký chủ mầm bệnh trên đất bằng phương pháp trồng luân canh cây ngắn ngày để cho đất nghỉ từ 12-14 tháng.

- Thời gian trực nhổ cây cà phê: Từ tháng 03/2023 – tháng 06/2023.

- Tổng nguyên giá vườn cà phê: 19.227.945.752 đồng, đã hao mòn lũy kế: 14.464.572.123 đồng, thực tế là đã khấu hao hết theo tuổi đời vườn cây 30 năm. Giá trị còn lại do đánh giá lại sau khi cổ phần hóa là: 4.763.373.629 đồng.

## 2. Kế hoạch trồng tái canh 26,95ha cây cà phê vối:

- Vị trí trồng tái canh:

+ Lô 8 Vùng 21ha đội 2: 0,76 ha

+ Lô 8, lô Xép Vùng 36 đội 4: 4,21 ha

+ Lô xép Vùng A2: 1ha

+ Lô 1-5 Khu B đội 5: 14,71 ha

+ Lô 6 Vùng 36: 6,27ha (Riêng diện tích này Công ty quy hoạch sẽ đầu tư và chăm sóc theo hướng cà phê đặc sản hữu cơ).

- Diện tích trồng: 26,95 ha.

- Mật độ trồng: 3m x 3m, 1.111 cây/ha

- Chi phí đầu tư trồng mới 20,68ha năm 2023 là 2.039 triệu đồng; Chi phí KTCB năm thứ nhất là: 891 triệu; Chi phí KTCB năm thứ 2 là: 1.054 triệu đồng.

Áp dụng quy trình tái canh cải tiến theo tiêu chuẩn RA để giảm chi phí, tăng hiệu quả và tỷ lệ thành công. Tái canh sẽ sử dụng giống cà phê của WASI.

(Kèm bảng kế hoạch chi tiết chi phí do phòng KHKT xây dựng)

## 3. Kế hoạch chăm sóc cây Mít Thái da xanh siêu sớm Đội 1 + Đội 2:

- Năm 2021 đã trồng được 10,18 ha tại Đơn vị đội 2 và 1,86ha tại Hồ lô 3 đội 1. Dự kiến cuối tháng 12/2023 đến đầu năm 2024 sẽ cho thu hoạch.

- Tổng chi phí đã đầu tư trong năm trồng mới và chăm sóc KTCB đến thời điểm tháng 12/2022 cho 12,04ha là 632,6 triệu. Chi phí chăm sóc năm thứ hai 2023 cho 12,04ha là 705 triệu đồng.

- Dự kiến tháng 01/2024 cho thu hoạch, ước sản lượng: 70 tấn mít trái.
- (Kèm bảng kế hoạch chi tiết chi phí do phòng KHKT xây dựng)

#### 4. Kế hoạch chăm sóc 5,93 ha cây sầu riêng Vùng 9,4ha đội 1 đã trồng năm 2022:

- Vị trí trồng: Vùng 9,4ha đội 1.
- Diện tích đã trồng: 5,93 ha.
- Mật độ trồng: 132 cây/ha, kích thước 9m x 9m.
- Tổng chi phí đầu tư trồng mới trong năm 2022 là 584,5 triệu. Chi phí chăm sóc KTCB năm thứ nhất 2023 là: 416 triệu đồng, bình quân chi phí chăm sóc năm 2023 là: 70,15 triệu đồng/ha.

(Kèm bảng kế hoạch chi tiết chi phí do phòng KHKT xây dựng)

#### 5. Kế hoạch chăm sóc 18,58 ha cây sầu riêng Vùng A1 đội 4 đã trồng năm 2022:

- Vị trí trồng: Vùng A1 đội 4
- Diện tích đã trồng: 18,58 ha.
- Mật độ trồng: 132 cây/ha, kích thước 9m x 9m.
- Tổng chi phí đầu tư trồng mới trong năm 2022 là 590 triệu đồng (trồng xen vào vườn Ớt Chi Thiên chánh phong 04F1). Chi phí chăm sóc KTCB năm thứ nhất 2023 là: 280 triệu đồng (Tiếp tục trồng xen cây khoai lang Nhật vào vườn sầu riêng 6 tháng cuối năm 2023), bình quân chi phí chăm sóc năm 2023 là: 15,07 triệu đồng/ha.

(Kèm bảng kế hoạch chi tiết chi phí do phòng KHKT xây dựng)

#### CHI TIẾT KẾ HOẠCH SXKD ĐỐI VỚI CÁC LOẠI CÂY TRỒNG NĂM 2023

(Đính kèm Quyết định số 38/QĐ-EPC ngày 28/03/2023)

STT	Lô Vùng	Hiện tại		Kế hoạch từ nay đến cuối năm 2023	
		Diện tích (Ha)	Tên cây trồng	Tên cây trồng	Thời điểm xuống giống dự kiến
<b>I</b>	<b>Đơn vị đội 2</b>	<b>0,76</b>			
1	Vùng 21 ha	0,76	Cây cà phê thanh lý	Tái canh cà phê	Tháng 06/2023
<b>II</b>	<b>Đơn vị đội 3</b>	<b>21,42</b>			
1	Lô I Ea Lúp	3,66	Cây Ớt Chi Thiên	Cây khoai lang	Tháng 05/2023
2	Từ Lô I đến Lô 7 Vùng Ea Lúp	17,76	Cây cà phê thanh lý	Cây khoai lang	Tháng 05/2023
<b>III</b>	<b>Đơn vị đội 4</b>	<b>36,28</b>			
1	Vùng A3	6,22	Đã thanh lý xong	Cây khoai lang	Tháng 04/2023
2	Vùng A1 (Lô 2,3,5,6)	18,58	Sầu riêng xen Ớt	Sầu riêng xen khoai lang	Tháng 04-06/2023
3	Vùng A2 Lô Sếp	1	Cỏ VA	Tái canh cà phê	Tháng 06/2023
4	Vùng 36 Lô Sếp	1,41	Cây cà phê thanh lý	Tái canh cà phê	Tháng 06/2023
5	Vùng 36 (Lô 8)	2,80	Bấp sinh khối	Tái canh cà phê	Tháng 06/2023
6	Vùng 36 (lô 6)	6,27	Bấp sinh khối	Cà phê hữu cơ đặc sản	Tháng 06/2023
<b>III</b>	<b>Đơn vị đội 5</b>	<b>65,95</b>			
1	Khu B	14,71	Đất trống	Tái canh cà phê	Tháng 04/2023 mức hứ



2	Khu B	24,09	Cây cà phê thanh lý	Khoai lang	Tháng 08/2023
3	Vùng A1 từ lô 7-10	21,33	Cây cà phê thanh lý	Ớt Chi Thiên	Tháng 06/2023
4	Lô 14 Vùng A1	5,82	Khoai lang	Rau vụ đông	Tháng 10/2023
	<b>Tổng cộng</b>	<b>124,41</b>			

**Ghi chú:**

1. Cây cà phê tái canh: 26,95 Ha
2. Cây khoai lang: 76,13 Ha
3. Cây ớt Chi Thiên: 21,33 Ha
4. Cây rau vụ đông: 5,82 Ha

Trên đây là kế hoạch sản xuất kinh doanh của Công ty năm 2023. Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua, để Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc triển khai thực hiện./.

**Nơi nhận:**

- Đại hội đồng cổ đông;
- Lưu VT.



**CHỦ TỊCH HĐQT**

**Ngô Văn Hùng**